

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

V/v: "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về sức
khoẻ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và ông Hà Đức Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa:
Ông Triệu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khoẻ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hà Thị P**, sinh năm: 1962 (có mặt);

Địa chỉ: **Khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.**

- Đồng Bị đơn:

1. Bà **Dương Thị B**, sinh năm: 1960 (có mặt);

2. Chị: **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1982 (có mặt);

3. Anh: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ tại: **khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà Hà Thị P trình bày:

Khoảng 14 giờ ngày 25/11/2023 bà và con trai là **Bùi Duy T1**, sinh năm 1995 đi chặt cây bồ đề và một số cây gỗ tạp tại đồi nhà bà **P** tại **đồi G thuộc khu B, xã M**, khi bà **P** và con trai đang chặt cây thì có 03 mẹ con bà **Dương Thị B**, sinh năm: 1960 và các con bà **B** là chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1982; anh: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984 (con rể bà **B**) đều ở **Khu Đ, xã M, huyện T**, lên chửi và

ngăn cản không cho bà P và con trai chặt cây vì bà B cho rằng số cây này do gia đình bà trồng (Thực chất số cây bà B trồng đã khai thác hết năm 2022 để trả đất cho bà P theo Bản án của TAND tỉnh Phú Thọ), dẫn đến hai bên cãi nhau, lúc này bà B bảo chị H nhặt 03 đoạn cây to bằng cổ tay đến đưa cho bà B 01 đoạn, anh T 01 đoạn, chị H 01 đoạn sau đó bà B, anh T, chị H lao vào cùng nhau đánh vào người bà P. Lúc đó con trai bà P điện thoại báo Công an xã M đến giải quyết.

Hậu quả bà P bị thương phải đi Trung tâm y tế huyện T điều trị 07 ngày từ ngày 25/11/2023 đến 02/12/2023 ra viện.

Nay bà yêu cầu bà B, chị H, anh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bà P tiền chi phí khám chữa bệnh gồm các khoản sau:

- Tiền thuê xe 02 lần đi viện và về nhà: 600.000đ.
- Tiền thuốc và tiền phòng: 7.100.000đ.
- Tiền chụp cắt lớp (chụp CT) 600.000đ.
- Tiền ngày công lao động bị mất: 07 ngày x 300.000đ/ngày: 2.100.000đ.
- Tiền công người chăm sóc: 07 ngày x 300.000đ/ngày: 2.100.000đ.
- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 2.000.000đ.
- Tiền tổ hại trí tuệ, tinh thần, sức khỏe: 1.000.000đ.
- Tiền chi phí đi giám định: 500.000đ.

Tổng số tiền bà P yêu cầu bà B, chị H và anh T phải bồi thường là 16.000.000đ.

2. Phía bị đơn bà Dương Thị B, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Dương Thị B trình bày:

Khoảng 15 giờ ngày 25/11/2023 bà B nghe con gái gọi điện thông báo 02 mẹ con bà P và anh T1 đang chặt cây bồ đề trên đất của bà B nên bà có cùng các con là chị H và anh T (con rể) lên can ngăn không cho bà P chặt cây nhà bà B, khi lên đến nơi giữa bà B và bà P có cãi nhau vì bà P cho rằng thửa đất trên là của gia đình bà (Đất tranh chấp đã được TAND tỉnh giải quyết công nhận của gia đình bà P năm 2022), khi bà B ngăn cản không được nên bà B đã nhặt 01 đoạn gậy bồ đề đánh 02 cái vào tay bà P mục đích không cho bà P chặt cây của gia đình bà nữa.

Nay bà P yêu cầu bà bồi thường bà B không đồng ý vì bà P không có thương tích gì.

3. Phía bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Nguyên nhân chị H cùng mẹ và anh T đến đòi cây nơi bà P và anh T1 đang chặt cây là vì hai mẹ con bà P đang chặt cây của gia đình chị H. Chị H không thừa nhận đánh bà P, mà do bà P đánh chị H nên chị H dùng gậy đỡ. Nay bà P yêu cầu bà bồi thường chị H không đồng ý.

4. Phía bị đơn anh Nguyễn Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Khi anh cùng bà B và chị H đến mục đích để ngăn cản không cho bà P và anh T1 chặt cây của gia đình anh thì bà P có dơ dao lên dọa chém chị H (vợ anh T) nên

anh **T** dùng gây đờ cho chị **H**. Nay bà **P** yêu cầu bà bồi thường anh **T** không đồng ý.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

5.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5.2. Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 584, điều 590 Bộ luật dân sự 2015 ; Căn cứ Điểm a, b khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ - HĐTP ngày 06/09/2022 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bà **Dương Thị B** và chị **Nguyễn Thị Thanh H** phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bà **Hà Thị P** số tiền **7.435.135đ** (Bảy triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) gồm các khoản sau:

- Chi phí khám, chữa bệnh tại **Trung tâm y tế huyện T** và giám định sức khỏe tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh P** tổng số tiền là: 3.627.103đ;

- Thu nhập thực tế bị mất của bà **P** và của 01 người chăm sóc bà **P** là (07 ngày x 125.000đ) = 875.000đ x 02 người = 1.750.000đ;

- Chi phí thuê xe đi cấp cứu tại **Trung tâm y tế huyện T** 02 lần với tổng số tiền là: 600.000đ;

- Cùng trả trong phạm vi BHYT là 348.032đ

- Tiền phí giám định là 110.000đ

- Tại phiên tòa bà **P** bổ xung thêm số tiền thuê xe ô tô đi giám định là 1000.000đ xét thấy hợp lý cần chấp nhận.

Chia kỹ phần bồi thường như sau: bà **Dương Thị B** bồi thường cho bà **Hà Thị P** số tiền **3.000.000đ**; chị **Nguyễn Thị Thanh H** bồi thường cho bà **Hà Thị P** số tiền **4.435.135đ**.

Đối với yêu cầu bồi thường của bà **Hà Thị P** đối với anh **Nguyễn Văn T** là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Các khoản chi phí không phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà **P đối với bà **B** và chị **H** gồm:**

- Quỹ BHYT thanh toán theo giá dịch vụ y tế: 1.392.128đ;

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 2.000.000đ (Do không có thương tích);

- Tiền tổn hại trí tuệ, tinh thần, sức khỏe: 1.000.000đ;

- Tiền chi phí đi giám định: 500.000đ (không có căn cứ chứng minh);

5.3. Về án phí: bà **B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị **H** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Bà Hà Thị P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ giải quyết tranh chấp Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe với bà: Dương Thị B, chị: Nguyễn Thị Thanh H và anh: Nguyễn Văn T, cùng có địa chỉ thường trú tại khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an xã M, căn cứ lời khai của các bên và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 25/11/2023 bà Hà Thị P cùng con trai là Bùi Duy T1, sinh năm 1995 đi chặt cây bồ đề và một số cây gỗ tạp tại đồi nhà bà P ở đồi G thuộc khu B, xã M, khi bà P và con trai đang chặt cây thì có 03 mẹ con bà Dương Thị B, sinh năm: 1960 và các con bà B là chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982; anh: Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (con rể bà B) đều ở Khu Đ, xã M, huyện T, lên chửi và ngăn cản không cho bà P và con trai chặt cây vì bà B cho rằng số cây này do gia đình bà trồng (Thực chất số cây bà B trồng đã khai thác hết năm 2022 để trả đất cho bà P theo Bản án của TAND tỉnh Phú Thọ), dẫn đến hai bên cãi nhau, lúc này bà B bảo chị H nhặt 03 đoạn cây to bằng cổ tay đưa cho bà B 01 đoạn, anh T 01 đoạn, chị H 01 đoạn sau đó bà B, anh T, chị H lao vào cùng nhau đánh vào người bà P. Lúc đó con trai bà P (Anh T1) điện thoại báo Công an xã M đến giải quyết.

Tại hồ sơ điều trị của bà P thể hiện: Khi vào viện bệnh nhân kêu đau đầu, buồn nôn, không nôn; tại vùng thái dương bên trái có vết thương sưng nề, bầm tím, đau nhức, không rách ra, vùng ngực, bụng có nhiều vết xây sát da, sưng nề, bầm tím, năm đau; cẳng tay trái sưng nề, đau nhức, hạn chế vận động.

Tại Kết luận giám định số 13 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh P kết luận tỷ lệ thương tích của bà P là: Không xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tại thời điểm giám định không để lại tổn thương gì.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh H, mặc dù quá trình giải quyết vụ án, chị H không thừa nhận dùng gậy đánh bà P. Tuy nhiên quá trình giải quyết hành vi gây thương tích do Công an xã M thụ lý, giải quyết tại lời các lời khai ngày 08/12/2023 (BL số: 74) và ngày 04/01/2024 (BL số: 75) của Công an xã M, huyện T chị H đều thừa nhận dùng gậy trọc vào tay bà P để ngăn cản không cho bà P chặt cây của

gia đình bà B. Mặt khác quá trình giải quyết vụ việc đánh nhau Công an xã M đã làm rõ và xử phạt hành chính chị H về hành vi “ Cố ý gây thương tích” theo Quyết định số 14 ngày 14/02/2024. Do đó có căn cứ để buộc chị H phải có trách nhiệm bồi thường cùng với bà B.

Đối với anh Nguyễn Văn T có đủ căn cứ chứng minh anh T chỉ can ngăn việc bà P và chị H đánh nhau, anh T không được đánh bà P như bà P đã khai báo. Do đó yêu cầu bồi thường của bà Hà Thị P đối với anh Nguyễn Văn T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Như vậy chỉ có căn cứ buộc bà B và chị H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà P theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do chị H là người gọi điện cho bà B và chuẩn bị gây cho bà B nên chị H phải chịu trách nhiệm bồi thường cao hơn bà B.

[3]. Về trách nhiệm bồi thường:

Quá trình giải quyết vụ án, bà P yêu cầu bà B và chị H bồi thường tổng số tiền là 16.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, bà P bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà B và chị H phải thanh toán thêm tiền thuê xe đi giám định là 1.000.000đ.

Xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ mà bà P cung cấp. Căn cứ theo Điều 584, điều 590 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điểm a, b khoản 1, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ - HĐTP ngày 06/09/2022 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu bồi thường của bà P có phần không phù hợp với quy định của pháp luật, mà bà P chỉ được chấp nhận các khoản chi phí hợp lý sau:

Chi phí khám, chữa bệnh:

- Theo bảng kê chi phí điều trị nội trú ngày 01/12/2023 (BL số: 46) tổng số chi phí điều trị là 5.367.263đ đã bao gồm các khoản chi phí tiền thuốc, các phí dịch vụ và tiền phòng. Trong đó:

- + Bệnh nhân phải trả: 3.627.103đ
- + Cùng trả trong phạm vi BHYT 348.032đ.
- + Tiền chi phí đi giám định: 110.000đ.

Tổng cộng chi phí khám chữa bệnh có hóa đơn, chứng từ được chấp nhận là: 4.085.135đ.

Thu nhập thực tế bị mất của bà B và của 01 người chăm sóc:

Quá trình giải quyết vụ án, bà P không chứng minh được thu nhập của bản thân cũng như của người chăm sóc. Bên cạnh đó, qua xác minh tại UBND xã M thấy rằng bà P là lao động tự do, không có thu nhập ổn định từ tiền lương, tiền công.

Do đó, cần xác định thu nhập thực tế bị mất của bà P cũng như của người chăm sóc là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi người bị thiệt hại cư trú cho 01

ngày bị thiệt hại. Bà **P** đến khám và nằm điều trị tại **Trung tâm y tế huyện T** 07 ngày (từ ngày 25/11/2023 đến ngày 01/12/2023). Tại thời điểm xảy ra sự việc cũng như tại thời điểm bà **P** khởi kiện, căn cứ theo Mục 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP các địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu thì trên địa bàn **huyện T, tỉnh P** mức lương tối thiểu vùng IV là 3.250.000đ/1 tháng/26 ngày = 125.000đ/ngày. Như vậy thu nhập thực tế bị mất của bà **P** và của 01 người chăm sóc là 125.000đ/ngày x 7 ngày = 875.000đ x 02 người = 1.750.000đ là phù hợp.

Tiền thuê xe đi Bệnh viện: Theo quy định của pháp luật thì chi phí hợp lý cho việc cứu chữa người bị thiệt hại có bao gồm chi phí thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở. Sau khi bị bà **B** và chị **H** đánh, bà **P** đã phải thuê xe ô tô đi khám tại **Trung tâm y tế huyện T** 02 lần. Do đó cần chấp nhận chi phí thuê phương tiện đi lại cơ sở khám chữa bệnh cho bà **P** với tổng số tiền 600.000đ và số tiền thuê xe đi giám định hết 1.000.000đ là phù hợp.

Đối với số tiền viện phí mà bà P được Q bảo hiểm y tế chi trả trong khoảng thời gian bà P điều trị tại Trung tâm y tế huyện T: Số tiền BHYT đã chi trả 1.392.128đ này không nằm trong khoản chi phí thực tế mà bà **P** phải bỏ ra chi trả cho việc khám, chữa bệnh nên bà **B**, chị **H** không phải bồi thường cho bà **P** khoản tiền này là phù hợp.

+ Đối với số tiền bà **P** yêu cầu bà **B**, chị **H** bồi dưỡng sức khỏe là 2.000.000đ và bồi thường về tổn hại trí tuệ, tinh thần sức khỏe là 1.000.000đ theo kết luận giám định nêu trên thì bà **P** Không xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tại thời điểm giám định không để lại tổn thương gì nên Hội đồng xét xử không chấp nhận là phù hợp.

+ Đối với số tiền bà **P** yêu cầu bà **B**, chị **H** bồi thường về tiền phí giám định là 500.000đ số tiền này bà **P** không đưa ra được căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận là phù hợp.

Như vậy từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà **Hà Thị P** đối với mức bồi thường như sau:

- Bệnh nhân phải trả: 3.627.103đ
- Cùng trả trong phạm vi BHYT là 348.032đ
- Tiền thuê xe ô tô vào và ra viện là 600.000đ
- Tiền phí đi giám định là 110.000đ

- Tại phiên tòa hôm nay, bà **P** bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà **B** và chị **H** phải thanh toán thêm số tiền thuê xe đi giám định là 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bổ sung yêu cầu của bà **P** không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp với Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tiền công lao động bị mất của bà P và tiền công của người chăm sóc cho bà phương. Do bà P không chứng minh được nguồn thu nhập nên thu nhập thực tế được bồi thường là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi người bị thiệt hại cư trú cho 01 ngày thiệt hại. Tại thời điểm này căn cứ vào Nghị định số: 111/NĐ – CP ngày 30/12/2022 xác định mức lương tối thiểu vùng là 3.250.000đ/tháng/26n ngày = 125.000đ/ngày x 07 ngày = 875.000đ x 02 người = 1.750.000đ.

Tổng là 3.627.103đ + 348.032đ + 600.000đ + 110.000đ + 1000.000đ + 1.750.000đ = **7.435.135đ** (Bảy triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm ba mươi lăm đồng).

Căn cứ lời khai của các bên và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy chị H là người gọi điện cho bà B và chuẩn bị gây cho bà B nên chị H phải chịu trách nhiệm bồi thường cao hơn bà B. Do đó căn cứ quy định tại Điều 587 Bộ luật Dân sự, cần xem xét chia kỷ phần bồi thường của chị H nhiều hơn bà B cho bà P trong tổng số tiền 7.435.135đ đ là phù hợp.

[4] Về án phí:

Bà Dương Thị B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ

[5]. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà P có đơn yêu cầu thi hành án mà bà B, chị H chưa thi hành án thì bà B và chị H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án. Mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, 590 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 4, khoản 9 Điều 26 và Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe của Bà Hà Thị P đối với bà Dương Thị B và chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Buộc bà **Dương Thị B** và chị **Nguyễn Thị Thanh H** phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bà **Hà Thị P** số tiền **7.435.135đ** (*Bảy triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm ba mươi lăm đồng*)

Gồm các thiệt hại:

- Chi phí khám, chữa bệnh tại **Trung tâm y tế huyện T** và giám định sức khỏe tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh P** tổng số tiền là: 4.085.135đ;
- Thu nhập thực tế bị mất của bà **P** và của 01 người chăm sóc bà **P** là (07 ngày x 125.000đ) = 875.000đ x 02 người = 1.750.000đ;
- Chi phí thuê xe đi cấp cứu tại **Trung tâm y tế huyện T** 02 lần với tổng số tiền là: 600.000đ;
- Chi phí tiền thuê xe ô tô đi giám định là: 1.000.000đ

Trong đó, chia kỷ phần bồi thường như sau: bà **Dương Thị B** bồi thường cho bà **Hà Thị P** số tiền **3.000.000đ** (*Ba triệu đồng*); chị **Nguyễn Thị Thanh H** bồi thường cho bà **Hà Thị P** số tiền **4.435.135đ** (*Bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm ba mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà **P** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà **B** và chị **H** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí:*

- Bà: **Dương Thị B** là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị: **Nguyễn Thị Thanh H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh P;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Côn